

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 758 /STP-HCTP

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm 2015

V/v triển khai các Quyết định của Bộ Tư pháp
về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Nhằm đánh giá hiệu quả việc triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước một cách thường xuyên, liên tục giúp cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường kịp thời tổng kết về những ưu điểm, phát hiện những hạn chế để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp tháo gỡ, giải quyết. Qua đó, thúc đẩy công tác giải quyết bồi thường và bảo đảm tốt hơn việc phúc đáp quyền yêu cầu bồi thường của người dân, Cục Bồi thường nhà nước đã tham mưu Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 634/QĐ-BTP ngày 22/3/2013 về việc ban hành Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 08/7/2013 về việc ban hành Bảng chấm điểm đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Đồng thời, Cục Bồi thường nhà nước đã tổ chức tập huấn và hướng dẫn việc áp dụng Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá trong hoạt động quản lý hành chính.

Sở Tư pháp đề nghị thủ trưởng các sở, ban, ngành, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa truy cập nội dung các văn bản nêu trên trên Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://www.stp.dongnai.gov.vn> để nghiên cứu, triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- VP Sở;
- Lưu: VT, HCTP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Minh Thiện

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bảng chấm điểm đánh giá hiệu quả thi hành
Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-BTP ngày 22/3/2013 về việc ban hành Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng chấm điểm đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Cục BTNN.



Đinh Trung Tụng

Phụ lục
BẢNG CHẤM ĐIỂM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1740 /QĐ-BTP ngày 08 tháng 7 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Bảng chấm điểm đánh giá hiệu quả
thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước)*

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG CHẤM ĐIỂM
(Đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước)

STT	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đánh giá từ phía cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp	Điểm đánh giá của cơ quan quản lý	Tổng điểm
1	Tiêu chí về tổ chức triển khai thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	100				
1.1	Triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	36				
a	Tính kịp thời trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật	12				
a.1.	Tính kịp thời trong việc xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	6				
	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật trước ngày 01/02 hàng năm	6				
	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật sau ngày 01/02 tới ngày 01/3 hàng năm	3				
	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật sau ngày 01/3 hàng năm hoặc không ban hành	0				
a.2.	Thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	6				
	Thực hiện được trên 80% Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	6				
	Thực hiện được từ 50% đến 80% Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	3				

	Thực hiện dưới 50% Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hoặc không thực hiện	0				
b	Hình thức, phương pháp triển khai	12				
	Có từ 07 hình thức trở lên	12				
	Có từ 04 đến 06 hình thức	8				
	Có từ 01 đến 03 hình thức	4				
	Không có hình thức nào	0				
c	Phạm vi, đối tượng thụ hưởng thông tin pháp luật thông qua việc phổ biến, giáo dục pháp luật	12				
	Phổ biến, giáo dục trên 80% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	12				
	Phổ biến, giáo dục từ 60 đến 80% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	8				
	Phổ biến, giáo dục từ 40% đến dưới 60% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	4				
	Phổ biến, giáo dục từ 10% đến dưới 40% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	2				
	Phổ biến, giáo dục dưới 10% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	0				
1.2	<i>Khả năng tiếp cận thông tin pháp luật của cá nhân, tổ chức</i>	24				
a	Tính đa dạng về nội dung, hình thức tiếp cận của nguồn thông tin	12				
	Đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn thông tin từ 03 hình thức trở lên	12				
	Đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn thông tin từ 02 hình thức	8				
	Đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn thông tin từ 01 hình thức	4				
	Đối tượng thụ hưởng không được tiếp cận nguồn thông tin	0				
b	Khả năng đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	12				
	Đáp ứng được từ 80% trở lên nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	12				
	Đáp ứng được từ 60% đến dưới 80% nhu cầu	8				

	tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước					
	Đáp ứng được từ 40% đến dưới 60% nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	4				
	Đáp ứng được từ 10% đến dưới 40% nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	2				
	Đáp ứng được dưới 10% nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	0				
1.3	Các điều kiện bảo đảm thi hành pháp luật	20				
a	Biên chế, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện công tác bồi thường nhà nước	10				
a.1.	Biên chế thực hiện công tác bồi thường nhà nước	5				
	Có từ 02 biên chế chuyên trách về công tác bồi thường nhà nước trở lên	5				
	Có 01 biên chế chuyên trách về công tác bồi thường nhà nước	4				
	Có từ 02 biên chế kiêm nhiệm về công tác bồi thường nhà nước trở lên	3				
	Có 01 biên chế kiêm nhiệm về công tác bồi thường nhà nước	2				
	Không bố trí công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước	0				
a.2.	Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí thực hiện công tác bồi thường	5				
	Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí thực hiện công tác bồi thường được đáp ứng đầy đủ	5				
	Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí thực hiện công tác bồi thường được đáp ứng một phần	3				
	Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí thực hiện công tác bồi thường không được đáp ứng	0				
b	Hình thành thiết chế theo dõi, thanh tra, kiểm tra và bảo đảm thi hành Luật TNBTCNN	10				
	Bố trí công chức, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí đáp ứng yêu cầu công tác theo dõi, thanh tra, kiểm tra	10				
	Bố trí công chức, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí đáp ứng một phần yêu cầu công tác theo dõi, thanh tra, kiểm tra	5				

	Không bố trí công chức, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí đáp ứng yêu cầu công tác theo dõi, thanh tra, kiểm tra	0				
1.4	<i>Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành (đối với cơ quan có thẩm quyền soạn thảo, ban hành văn bản)</i>	20				
a	Yêu cầu về số lượng các văn bản cần ban hành	10				
	Ban hành đủ các văn bản hướng dẫn thi hành	10				
	Ban hành chưa đủ các văn bản hướng dẫn thi hành	5				
	Không ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành theo yêu cầu	0				
b	Tính kịp thời trong việc xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành	10				
	Ban hành kịp thời văn bản hướng dẫn thi hành so với Kế hoạch công tác đã đề ra	10				
	Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành chậm 01 tháng so với Kế hoạch công tác đã đề ra	8				
	Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành chậm 02 tháng so với Kế hoạch công tác đã đề ra	6				
	Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành chậm 03 tháng so với Kế hoạch công tác đã đề ra	4				
	Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành chậm từ 4 tháng trở lên so với Kế hoạch công tác đã đề ra	0				
2	Tiêu chí về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường	100				
2.1	<i>Chất lượng của hoạt động giải quyết bồi thường</i>	55				
a	Sự tuân thủ pháp luật về trình tự, thủ tục trong giải quyết bồi thường	11				
a.1.	Thủ tục thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	2				
	Thực hiện việc kiểm tra và xác định tính hợp lệ của đơn và các giấy tờ kèm theo; có hướng dẫn người bị thiệt hại bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ	2				
	Thực hiện việc kiểm tra và xác định tính hợp lệ của đơn và các giấy tờ kèm theo nhưng không hướng dẫn người bị thiệt hại bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ	0				
a.2.	Thủ tục cử người đại diện thực hiện việc giải	2				

	quyết bồi thường					
	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật	2				
	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường không đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật	0				
a.3.	Thủ tục xác minh thiệt hại	2				
	Thiệt hại được xác định tương ứng với thiệt hại thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật về những thiệt hại được bồi thường	2				
	Thiệt hại được xác định không tương ứng với thiệt hại thực tế và chưa phù hợp với quy định của pháp luật về những thiệt hại được bồi thường	0				
a.4.	Thương lượng việc bồi thường	3				
	Thành phần, địa điểm thương lượng và biên bản thương lượng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và thống nhất được quan điểm giữa các bên tham gia thương lượng	3				
	Thành phần, địa điểm thương lượng và biên bản thương lượng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nhưng chưa thống nhất được quan điểm giữa các bên tham gia thương lượng	1				
	Thành phần, địa điểm thương lượng và biên bản thương lượng thực hiện không đúng quy định của pháp luật	0				
a.5.	Thủ tục ra quyết định giải quyết bồi thường	2				
	Quyết định giải quyết bồi thường đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật và phù hợp với kết quả thương lượng	2				
	Quyết định giải quyết bồi thường không đủ nội dung theo quy định của pháp luật và không phù hợp với kết quả thương lượng	0				
b	Sự phù hợp của việc áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường để xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường; thiệt hại được bồi thường	11				
b.1.	Sự phù hợp của việc áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường để xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường	6				
	Xác định trách nhiệm bồi thường có đủ các	6				

	căn cứ theo quy định của Luật TNBTCNN					
	Xác định trách nhiệm bồi thường không đủ các căn cứ theo quy định của Luật TNBTCNN	0				
b.2.	Sự phù hợp của việc áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường để xác định thiệt hại được bồi thường	5				
	Việc xác định thiệt hại được bồi thường được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về khoản thiệt hại và mức thiệt hại	5				
	Việc xác định thiệt hại được bồi thường thực hiện chưa đầy đủ hoặc không đúng theo quy định của pháp luật về khoản thiệt hại, mức thiệt hại	0				
c	Kết quả giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	11				
	Không phát sinh khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về việc giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	11				
	Có phát sinh khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về việc giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường nhưng được giải quyết kịp thời	6				
	Có phát sinh khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về việc giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường nhưng không giải quyết hoặc giải quyết quá thời hạn theo quy định	0				
d	Kết quả giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án	11				
	Giải quyết dứt điểm, đúng pháp luật vụ việc bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án	11				
	Không giải quyết dứt điểm, đúng pháp luật vụ việc bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án (bị bản án, quyết định phúc thẩm, giám đốc thẩm hủy)	0				
đ	Thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi giải quyết bồi thường	11				
	Thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngay sau khi giải quyết bồi thường đúng thời hạn và nội dung theo quy định của pháp luật	11				
	Thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi giải quyết bồi thường không	0				

	đúng thời hạn và nội dung theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện việc báo cáo					
2.2	<i>Tính kịp thời trong hoạt động giải quyết bồi thường và chi trả tiền bồi thường</i>	23				
a	Tuân thủ thời hạn, thời hiệu giải quyết bồi thường theo quy định của Luật TNBTCNN	11				
a.1.	Thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	2				
	Thụ lý đơn yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và các giấy tờ hợp lệ	2				
	Thụ lý đơn yêu cầu bồi thường trên 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và các giấy tờ hợp lệ	0				
a.2.	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường	2				
	Cử người đại diện theo quy định của pháp luật để thực hiện việc giải quyết bồi thường ngay sau khi thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	2				
	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường từ ngày thứ hai đến ngày thứ ba kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	1				
	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường sau ngày thứ ba kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	0				
a.3.	Xác minh thiệt hại	2				
	Việc xác minh thiệt hại được tiến hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường và kết thúc trong vòng 20 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường hoặc trong vòng 40 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm	2				
	Việc xác minh thiệt hại được tiến hành sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường và kết thúc trong vòng 20 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường hoặc trong vòng 40 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu	1				

	cầu bồi thường đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm					
	Việc xác minh thiệt hại vượt quá thời hạn 20 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường hoặc vượt quá 40 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm	0				
a.4.	Thương lượng việc bồi thường	3				
	Thương lượng việc bồi thường được tiến hành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại và không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại hoặc trong vòng 45 ngày đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp	3				
	Thương lượng việc bồi thường được tiến hành sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại và không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại hoặc trong vòng 45 ngày đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp	2				
	Thương lượng việc bồi thường vượt quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại hoặc vượt quá 45 ngày đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp	0				
a.5.	Ra quyết định giải quyết bồi thường	2				
	Hoàn thành dự thảo quyết định giải quyết bồi thường trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thương lượng và ra quyết định giải quyết bồi thường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thương lượng	2				
	Hoàn thành dự thảo quyết định giải quyết bồi thường sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thương lượng và ra quyết định giải quyết bồi thường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thương lượng	1				
	Ra quyết định giải quyết bồi thường vượt quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thương lượng	0				

b	Thực hiện chi trả tiền bồi thường đúng quy định pháp luật	12				
	Thực hiện chi trả tiền bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp	12				
	Thực hiện chi trả tiền bồi thường từ trên 05 ngày làm việc tới dưới 15 ngày sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp	8				
	Thực hiện chi trả tiền bồi thường từ 15 ngày đến dưới 30 ngày sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp	4				
	Thực hiện chi trả tiền bồi thường từ 30 ngày trở lên sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp	0				
2.3	Tính kịp thời trong thực hiện trách nhiệm hoàn trả	22				
a	Tổ chức xem xét trách nhiệm hoàn trả kịp thời, đúng quy định	11				
a.1.	Thời hạn thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả	6				
	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày đã thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường	6				
	Từ trên 20 ngày đến dưới 30 ngày kể từ ngày đã thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường	3				
	Từ 30 ngày trở lên kể từ ngày đã thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường hoặc không thành lập	0				
a.2.	Thành phần Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả	5				
	Thành phần Hội đồng đúng theo quy định của pháp luật	5				
	Thành phần Hội đồng không đúng theo quy định của pháp luật	0				
b	Ban hành và thực hiện quyết định hoàn trả đúng quy định	11				

b.1.	Thời hạn ban hành quyết định hoàn trả	5				
	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường	5				
	Từ trên 30 đến 60 ngày kể từ ngày thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường	3				
	Từ trên 60 ngày kể từ ngày thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường hoặc không ban hành quyết định hoàn trả	0				
b.2.	Thực hiện quyết định hoàn trả	6				
	Thực hiện hoàn trả đúng thời hạn và đầy đủ theo quyết định hoàn trả	6				
	Thực hiện hoàn trả không đúng thời hạn và không đầy đủ theo quyết định hoàn trả	3				
3	Tiêu chí về hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường	100				
3.1	<i>Triển khai tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</i>	18				
a	Kịp thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	6				
	Kịp thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	6				
	Không kịp thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	0				
b	Nội dung, hình thức tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	6				
b.1.	Đối tượng tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2				
	Đối tượng tập huấn, bồi dưỡng phù hợp với nội dung tập huấn, bồi dưỡng	2				
	Đối tượng tập huấn, bồi dưỡng chưa phù hợp	0				

	với nội dung tập huấn, bồi dưỡng					
b.2.	Nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2				
	Nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đầy đủ, đúng quy định, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn	2				
	Nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chưa đầy đủ, đúng quy định, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn	0				
b.3.	Số lượng hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2				
	Tổ chức từ 02 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trở lên cho đầy đủ đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý	2				
	Tổ chức 01 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho một phần đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý	1				
	Không tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	0				
c	Chất lượng, hiệu quả của hoạt động tập huấn, bồi dưỡng	6				
	Hoạt động tập huấn, bồi dưỡng đạt chất lượng, hiệu quả cao	6				
	Hoạt động tập huấn, bồi dưỡng đạt chất lượng, hiệu quả trung bình	4				
3.2	Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường	13				
a	Tính kịp thời, đúng pháp luật trong hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường	7				
	Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường được thực hiện kịp thời và đúng pháp	7				

	luật					
	Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường không thực hiện kịp thời và không đúng pháp luật	0				
b	Năng lực, chuyên môn của cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường	6				
	Cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường nắm vững đầy đủ nghiệp vụ giải quyết bồi thường	6				
	Cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường nắm vững một phần nghiệp vụ giải quyết bồi thường	3				
	Cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường chưa nắm vững nghiệp vụ giải quyết bồi thường	0				
3.3	<i>Hiệu quả trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường</i>	18				
a	Tính kịp thời, đúng pháp luật trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	9				
	Việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường được thực hiện kịp thời, đúng pháp luật	9				
	Việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện không kịp thời, không đúng pháp luật	0				
b	Sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường (nếu có)	9				
	Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường bảo đảm kịp thời, đúng quy định	9				
	Sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường chưa chặt chẽ và chưa kịp thời, không đúng quy định	4				

	Không có sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong vụ việc có yêu cầu phối hợp	0				
3.4	<i>Hiệu quả hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường thuộc thẩm quyền</i>	27				
a	Nguồn thông tin phục vụ hoạt động theo dõi, đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	6				
a.1.	Nguồn thông tin phục vụ hoạt động theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	3				
	Xây dựng cơ chế và bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	1,5				
	Tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ hoạt động theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường cho tất cả các vụ việc	1,5				
	Không tiếp nhận, không xử lý thông tin mặc dù có vụ việc xảy ra và không xây dựng cơ chế bảo đảm	0				
a.2.	Nguồn thông tin phục vụ hoạt động đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	3				
	Xây dựng cơ chế và bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	1,5				
	Tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ hoạt động đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường tất cả các vụ việc	1,5				
	Không tiếp nhận và không xử lý thông tin mặc dù có vụ việc xảy ra và không xây dựng cơ chế bảo đảm	0				
b	Tính kịp thời trong công tác theo dõi, đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	7				
b.1.	Tính kịp thời trong công tác theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	3				
	Thực hiện việc nắm bắt thông tin về hoạt động giải quyết bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ thực hiện việc	3				

	theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường					
	Thực hiện việc nắm bắt thông tin về hoạt động giải quyết bồi thường từ trên 05 ngày làm việc đến dưới 10 ngày kể từ ngày có căn cứ thực hiện việc theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	2				
	Thực hiện việc nắm bắt thông tin về hoạt động giải quyết bồi thường từ 10 ngày đến 20 ngày kể từ ngày có căn cứ thực hiện việc theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	1				
	Thực hiện việc nắm bắt thông tin về hoạt động giải quyết bồi thường từ trên 20 ngày kể từ ngày có căn cứ thực hiện việc theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	0				
b.2.	Tính kịp thời trong công tác đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	4				
	Việc đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ đơn đốc	4				
	Việc đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện từ trên 05 ngày làm việc đến 10 ngày kể từ ngày có căn cứ đơn đốc	2				
	Việc đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện từ trên 10 ngày kể từ ngày có căn cứ đơn đốc	0				
c	Tính kịp thời trong công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường	7				
	Công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện theo đúng thời hạn tại Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc thực hiện kịp thời với yêu cầu đặt ra thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường	7				
	Công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường thực hiện quá 05 ngày làm việc đến 15 ngày so với: thời hạn tại Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý	5				

	nhà nước có thẩm quyền hoặc yêu cầu đặt ra thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường					
	Công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường thực hiện quá 15 ngày đến 20 ngày so với: thời hạn tại Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc yêu cầu đặt ra thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường	3				
	Công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường thực hiện quá 20 ngày so với: thời hạn tại Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc yêu cầu đặt ra thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường hoặc không thực hiện	0				
d	Hiệu quả của các biện pháp xử lý sau kiểm tra	7				
d.1.	Báo cáo kết quả kiểm tra	3				
	Có báo cáo kết quả kiểm tra gửi cho cơ quan đã ra quyết định kiểm tra và Bộ Tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi kiểm tra	3				
	Có báo cáo kết quả kiểm tra gửi cho cơ quan đã ra quyết định kiểm tra hoặc Bộ Tư pháp từ 04 ngày làm việc đến 10 ngày sau khi kiểm tra	2				
	Có báo cáo kết quả kiểm tra gửi cho cơ quan đã ra quyết định kiểm tra hoặc Bộ Tư pháp từ trên 10 ngày sau khi kiểm tra hoặc không thực hiện việc báo cáo	0				
d.2.	Các biện pháp xử lý sau kiểm tra	4				
	Biện pháp xử lý sau kiểm tra phù hợp với vi phạm pháp luật	4				
	Biện pháp xử lý sau kiểm tra không phù hợp với vi phạm pháp luật	0				
3.5	Nắm bắt tình hình công tác bồi thường nhà nước	12				

a	Xây dựng và thực hiện kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	6				
a.1.	Xây dựng Kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	2				
	Có xây dựng Kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	2				
	Không xây dựng kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	0				
a.2.	Thực hiện Kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	4				
	Thực hiện được trên 80% Kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý đã đề ra	4				
	Thực hiện được từ 50% đến 80% Kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý đã đề ra	3				
	Thực hiện được dưới 50% Kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	2				
	Không thực hiện Kế hoạch năm bất tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	0				
b	Bảo đảm tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà nước được nắm bắt kịp thời, đầy đủ	6				
	Tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà nước được nắm bắt kịp thời và đầy đủ	6				
	Tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà nước được nắm bắt kịp thời nhưng chưa đầy đủ hoặc đầy đủ nhưng chưa kịp thời	3				
	Tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà	0				

	nước chưa được nắm bắt kịp thời và đầy đủ					
3.6	<i>Hiệu quả giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</i>	12				
a	Biện pháp, hình thức giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường dễ dàng, thuận lợi	6				
	Có từ 02 biện pháp, hình thức trở lên giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường dễ dàng và thuận lợi đáp ứng từ trên 80% yêu cầu	6				
	Có 01 biện pháp, hình thức giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường dễ dàng và thuận lợi đáp ứng từ 50% đến 80% yêu cầu	4				
	Có biện pháp, hình thức giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường nhưng khó khăn và không hiệu quả	2				
	Không thực hiện các biện pháp, hình thức nào giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường	0				
b	Tính kịp thời, đúng nội dung, thời hạn trong việc giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	6				
	Việc giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được thực hiện kịp thời, đúng nội dung, thời hạn	6				
	Việc giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thực hiện không kịp thời, không đúng nội dung, thời hạn	0				
4	Tiêu chí về hiệu quả nâng cao chất lượng hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước	100				
4.1	<i>Chuyển biến về nhận thức, ý thức và trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức do tác động của Luật TNBTCNN</i>	50				

a	Chuyển biến về nhận thức	25				
a.1.	Thái độ đối với người dân (<i>thông qua phiếu khảo sát</i>)	10				
	Thái độ tôn trọng, tận tụy với nhân dân (từ 80% đến 100% đồng ý)	10				
	Thái độ tôn trọng, tận tụy với nhân dân (từ 50% đến dưới 80% đồng ý)	5				
	Thái độ không tôn trọng, không tận tụy với nhân dân (dưới 50% đồng ý)	0				
a.2.	Ý thức nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ	15				
	Tích cực học tập, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ	15				
	Không tích cực học tập, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ	0				
b	Chuyển biến về chất lượng hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao	25				
	Hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao được hoàn thành từ 80% trở lên	25				
	Hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao hoàn thành từ 40% đến 80%	15				
	Hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao hoàn thành dưới 40%	5				
	Hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao không có chuyển biến	0				
4.2	<i>Chuyển biến về chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước do tác động của Luật TNBTCNN</i>	50				
a	Giảm các vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị do tác động của việc triển khai thi hành Luật TNBTCNN	25				
	Giảm các vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị do tác động của việc triển khai thi hành Luật TNBTCNN	25				

	Các vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị không có sự thay đổi so với trước khi có Luật TNBTCNN	10				
	Tăng vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị so với trước khi có Luật TNBTCNN	0				
b	Hiệu quả hoạt động công vụ của cơ quan nhà nước	25				
b.1.	Khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của cán bộ, công chức	5				
	Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của cán bộ, công chức	0				
	Không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của cán bộ, công chức	5				
b.2.	Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của cán bộ, công chức	5				
	Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận và xử lý, giải quyết trên 80%	5				
	Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận và xử lý, giải quyết từ 50% đến 80%	3				
	Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận và xử lý, giải quyết dưới 50%	0				
b.3.	Hoàn thành Kế hoạch công tác	15				
	Hoàn thành trên 80% Kế hoạch công tác	15				
	Hoàn thành từ 50 đến 80% Kế hoạch công tác	10				
	Hoàn thành từ 20 đến dưới 50% Kế hoạch công tác	5				
	Hoàn thành dưới 20% Kế hoạch công tác	0				

Đuân

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 634/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả
thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

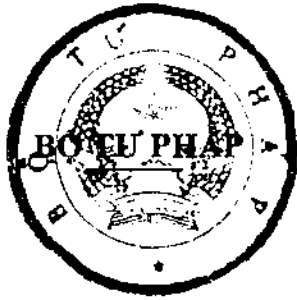
Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, Cục BTNN.



Hà Hùng Cường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2013

BỘ TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH
Đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-BTP
ngày 22 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu ban hành Bộ Tiêu chí

Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây viết tắt là Bộ Tiêu chí) quy định về các tiêu chí, phương pháp và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây viết tắt là Luật TNBTCNN), đánh giá sự chuyển biến chất lượng hoạt động công vụ của cán bộ, công chức.

Điều 2. Áp dụng Bộ Tiêu chí

Bộ Tiêu chí này áp dụng đối với hoạt động đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN theo Kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường có thẩm quyền ở Trung ương và các địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Tuân thủ Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN.
2. Phản ánh trung thực, khách quan hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN.
3. Bảo đảm sự phù hợp của các phương pháp, công cụ đánh giá đối với đối tượng, phạm vi đánh giá.
4. Bảo đảm sự rõ ràng, đầy đủ và thống nhất của thông tin thu nhận được từ hoạt động đánh giá.

Điều 4. Các chỉ số đánh giá

1. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ liên quan về công tác bồi thường nhà nước của người thi hành công vụ và các cơ quan nhà nước.
2. Chất lượng hoàn thành công việc liên quan đến công tác giải quyết bồi thường.
3. Hiệu quả tác động thực tế của việc triển khai thi hành Luật TNBTCNN đối với việc nâng cao ý thức, trách nhiệm thi hành công vụ của cán bộ, công chức.

4. Đánh giá của người dân đối với việc triển khai thi hành Luật TNBTCNN và chất lượng của hoạt động giải quyết bồi thường.

Chương II

BỘ TIÊU CHÍ

Điều 5. Tiêu chí về tổ chức triển khai thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

1. Triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

- a) Tính kịp thời trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật;
- b) Hình thức, phương pháp triển khai;
- c) Phạm vi, đối tượng thụ hưởng thông tin pháp luật thông qua việc phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Khả năng tiếp cận thông tin pháp luật của cá nhân, tổ chức

- a) Tính đa dạng về nội dung, hình thức tiếp cận của nguồn thông tin;
- b) Khả năng đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước.

3. Các điều kiện bảo đảm thi hành pháp luật

- a) Biên chế, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện công tác bồi thường nhà nước;
- b) Hình thành thiết chế theo dõi, thanh tra, kiểm tra và bảo đảm thi hành Luật TNBTCNN.

4. Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành

- a) Yêu cầu về số lượng các văn bản cần ban hành;
- b) Tính kịp thời trong việc xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 6. Tiêu chí về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường

1. Chất lượng của hoạt động giải quyết bồi thường

- a) Sự tuân thủ pháp luật về trình tự, thủ tục trong giải quyết bồi thường;
- b) Sự phù hợp của việc áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường để xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường; thiệt hại được bồi thường;
- c) Kết quả giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường;
- d) Kết quả giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án;
- đ) Thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi giải quyết bồi thường.

2. Tính kịp thời trong hoạt động giải quyết bồi thường và chi trả tiền bồi thường

a) Tuân thủ thời hạn, thời hiệu giải quyết bồi thường theo quy định của Luật TNBTCNN;

b) Thực hiện chi trả tiền bồi thường đúng quy định pháp luật.

3. Tính kịp thời trong thực hiện trách nhiệm hoàn trả

a) Tổ chức xem xét trách nhiệm hoàn trả kịp thời, đúng quy định;

b) Ban hành và thực hiện quyết định hoàn trả đúng quy định.

Điều 7. Tiêu chí về hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường

1. Triển khai tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

a) Kịp thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

b) Nội dung, hình thức tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

c) Chất lượng, hiệu quả của hoạt động tập huấn, bồi dưỡng.

2. Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường

a) Tính kịp thời, đúng pháp luật trong hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường;

b) Năng lực, chuyên môn của cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường.

3. Hiệu quả trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường

a) Tính kịp thời, đúng pháp luật trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường;

b) Sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

4. Hiệu quả hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường thuộc thẩm quyền

a) Nguồn thông tin phục vụ hoạt động theo dõi, đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường;

b) Tính kịp thời trong công tác theo dõi, đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường;

c) Tính kịp thời trong công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường;

d) Hiệu quả của các biện pháp xử lý sau kiểm tra.

5. Năm bắt tình hình công tác bồi thường nhà nước

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Bảo đảm tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà nước được nắm bắt kịp thời, đầy đủ.

6. Hiệu quả giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

a) Biện pháp, hình thức giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường dễ dàng, thuận lợi;

b) Tính kịp thời, đúng nội dung, thời hạn trong việc giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 8. Tiêu chí về hiệu quả nâng cao chất lượng hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước

1. Chuyển biến về nhận thức, ý thức và trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức do tác động của Luật TNBTCNN

a) Chuyển biến về nhận thức;

b) Chuyển biến về chất lượng hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao.

2. Chuyển biến về chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước do tác động của Luật TNBTCNN

a) Giảm các vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị do tác động của việc triển khai thi hành Luật TNBTCNN;

b) Hiệu quả hoạt động công vụ của cơ quan nhà nước.

Chương III

PHƯƠNG PHÁP

Điều 9. Áp dụng phương pháp đánh giá

1. Tuân thủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá.

2. Tùy từng đối tượng và nội dung đánh giá sử dụng phương pháp định tính, định lượng cho phù hợp.

Điều 10. Phương pháp định tính

Phương pháp định tính được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Tiếp xúc trực tiếp, phỏng vấn, nghe ý kiến phản hồi của cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước và của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp;

2. Thảo luận, phân tích số liệu thu thập được.

Điều 11. Phương pháp định lượng

Phương pháp định lượng thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Xem xét bảng số liệu tổng kết thông qua báo cáo của các cơ quan có thẩm quyền;

2. Xem xét số liệu về các vụ việc yêu cầu bồi thường (đã thụ lý, đang giải quyết và đã giải quyết xong; số tiền bồi thường);
3. Tiến hành khảo sát thông qua phiếu điều tra, thực hiện điều tra xã hội học.

Chương IV

QUY TRÌNH

Điều 12. Xác định mục tiêu, đối tượng, phạm vi đánh giá

Cơ quan đánh giá căn cứ vào mục tiêu đánh giá để xác định đối tượng, phạm vi đánh giá.

Điều 13. Xây dựng Bộ công cụ đánh giá

1. Bộ công cụ bao gồm: phiếu điều tra, khảo sát; nội dung phỏng vấn; hệ thống biểu mẫu thống kê số liệu.
2. Bộ công cụ do các cơ quan đánh giá xây dựng trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Chương II của Bộ Tiêu chí này và phù hợp với mục tiêu, đối tượng, phạm vi đánh giá quy định tại Điều 12 của Bộ Tiêu chí này.
3. Thang điểm đánh giá được xác định tại Phụ lục về Thang điểm.

Điều 14. Thực hiện hoạt động đánh giá

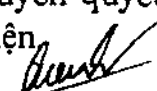
1. Cơ quan đánh giá tổ chức khảo sát, thu thập số liệu, tọa đàm, tham vấn ý kiến để thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá.
2. Xử lý thông tin thu thập được và tiến hành chấm điểm.

Điều 15. Xây dựng báo cáo đánh giá

Trên cơ sở thông tin thu thập được và kết quả chấm điểm, cơ quan đánh giá xây dựng Báo cáo đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN theo mẫu tại Phụ lục về Báo cáo.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào Kế hoạch đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN đã được cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường có thẩm quyền quyết định, cơ quan đánh giá bố trí kinh phí và lập Kế hoạch tổ chức thực hiện.



(Phụ lục về Báo cáo kèm theo Quyết định số 634/QĐ-BTP ngày 22 tháng 3 năm 2013 về việc ban hành Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

(từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm...)

(Tên cơ quan xây dựng Báo cáo) báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước như sau:

Phần thứ nhất

CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

I. Công tác xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện

- Xác định mục tiêu, đối tượng, phạm vi đánh giá;
- Xây dựng Bộ công cụ để đánh giá (phiếu điều tra, khảo sát; nội dung phỏng vấn; biểu mẫu thống kê số liệu)¹.

II. Các hoạt động đã thực hiện

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện ²;
- Tổ chức khảo sát, tọa đàm tham vấn chuyên gia, tổng hợp số liệu.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

I. Kết quả thu thập số liệu

1. Công tác thu thập số liệu

1.1. Hoạt động khảo sát: số lượng phiếu khảo sát, đối tượng khảo sát, nội dung khảo sát (Báo cáo khảo sát đính kèm)

1.2. Tổ chức Tọa đàm tham vấn: số lượng Tọa đàm, nội dung Tọa đàm

1.3. Tổ chức phỏng vấn

2. Công tác tổng hợp số liệu

2.1. Phương thức tổng hợp số liệu

¹ Kèm theo các nội dung đã được xây dựng

² Kèm theo Kế hoạch đã phê duyệt

2.2. Kết quả tổng hợp số liệu

3. Đánh giá về công tác thu thập số liệu

- Đánh giá về hiệu quả công tác thu thập số liệu;
- Tính xác thực của số liệu thu thập được.

II. Công tác chấm điểm

1. Công tác thực hiện chấm điểm và kết quả

2. Đánh giá điểm số và tình hình triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

III. Hiệu quả, vướng mắc, bất cập, nguyên nhân và kiến nghị

1. Về hiệu quả đưa Luật TNBTCNN vào cuộc sống

2. Bài học kinh nghiệm trong quá trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN

3. Những vướng mắc, bất cập và nguyên nhân

- Về thể chế;
- Quá trình thực hiện, phối hợp thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường (để báo cáo);
- ...
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)



(Phụ lục về Thang điểm kèm theo Quyết định số 634/QĐ-BTP ngày 22 tháng 3 năm 2013 về việc ban hành Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước)

THANG ĐIỂM

(Đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước)

Mã Số	Tiêu chí	Cơ số điểm
I. TC 1	Tiêu chí về tổ chức triển khai thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Điều 5)	100
	- Tiêu chí 1 (khoản 1 Điều 5)	36
	+ Điểm a khoản 1 Điều 5	12
	+ Điểm b khoản 1 Điều 5	12
	+ Điểm c khoản 1 Điều 5	12
	- Tiêu chí 2 (khoản 2 Điều 5)	24
	+ Điểm a khoản 2 Điều 5	12
	+ Điểm b khoản 2 Điều 5	12
	- Tiêu chí 3 (khoản 3 Điều 5)	20
	+ Điểm a khoản 3 Điều 5	10
	+ Điểm b khoản 3 Điều 5	10
	- Tiêu chí 4 (khoản 4 Điều 5)	20
	+ Điểm a khoản 4 Điều 5	10
	+ Điểm b khoản 4 Điều 5	10
II. TC 2	Tiêu chí về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường (Điều 6)	100
	- Tiêu chí 1 (khoản 1 Điều 6)	55
	+ Điểm a khoản 1 Điều 6	11
	+ Điểm b khoản 1 Điều 6	11
	+ Điểm c khoản 1 Điều 6	11
	+ Điểm d khoản 1 Điều 6	11
	+ Điểm đ khoản 1 Điều 6	11
	- Tiêu chí 2 (khoản 2 Điều 6)	23
	+ Điểm a khoản 2 Điều 6	11
	+ Điểm b khoản 2 Điều 6	12
	- Tiêu chí 3 (khoản 3 Điều 6)	22
	+ Điểm a khoản 3 Điều 6	11
	+ Điểm b khoản 3 Điều 6	11
III. TC 3	Tiêu chí về hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi	100

	thường (Điều 7)	
	- Tiêu chí 1 (khoản 1 Điều 7)	18
	+ Điểm a khoản 1 Điều 7	6
	+ Điểm b khoản 1 Điều 7	6
	+ Điểm c khoản 1 Điều 7	6
	- Tiêu chí 2 (khoản 2 Điều 7)	13
	+ Điểm a khoản 2 Điều 7	7
	+ Điểm b khoản 2 Điều 7	6
	- Tiêu chí 3 (khoản 3 Điều 7)	18
	+ Điểm a khoản 3 Điều 7	9
	+ Điểm b khoản 3 Điều 7	9
	- Tiêu chí 4 (khoản 4 Điều 7)	27
	+ Điểm a khoản 4 Điều 7	6
	+ Điểm b khoản 4 Điều 7	7
	+ Điểm c khoản 4 Điều 7	7
	+ Điểm d khoản 4 Điều 7	7
	- Tiêu chí 5 (khoản 5 Điều 7)	12
	+ Điểm a khoản 5 Điều 7	6
	+ Điểm b khoản 5 Điều 7	6
	- Tiêu chí 6 (khoản 6 Điều 7)	12
	+ Điểm a khoản 6 Điều 7	6
	+ Điểm b khoản 6 Điều 7	6
IV. TC 4	Tiêu chí về hiệu quả nâng cao chất lượng hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước (Điều 8)	100
	- Tiêu chí 1 (khoản 1 Điều 8)	50
	+ Điểm a khoản 1 Điều 8	25
	+ Điểm b khoản 1 Điều 8	25
	- Tiêu chí 2 (khoản 2 Điều 8)	50
	+ Điểm a khoản 2 Điều 8	25
	+ Điểm b khoản 2 Điều 8	25
Tổng số = I + II + III + IV		400

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1094 /UBND-NC

Thống Nhất, ngày 01 tháng 6 năm 2015

V/v thực hiện Công văn số 613/STP-
TDTHPL ngày 19/5/2015
của Sở Tư pháp.

Kính gửi: Phòng Tư pháp.

Ngày 19/5/2015, Sở Tư pháp ban hành Công văn số 613/STP-TDTHPL về việc triển khai thực hiện Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ (sao gửi kèm); Chủ tịch UBND huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Phòng Tư pháp tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ theo nội dung Kế hoạch 3351/KH-UBND ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh (sao gửi kèm); hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ; xây dựng báo cáo kết quả tổ chức sơ kết theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch 3351/KH-UBND ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh gửi về Sở Tư pháp trước ngày 30/7/2015.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện (VX);
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (NC);
- Lưu: VT, TH (NC-Tân).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Văn Hiền

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 613 /STP-TDTHPL

Đồng Nai, ngày 19 tháng 5 năm 2015

V/v triển khai thực hiện Kế hoạch sơ kết 03 năm
thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP
ngày 23/7/2012 của Chính phủ

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh; Cảnh sát PCCC tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Thực hiện Kế hoạch số 3351/KH-UBND ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh về việc sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, để triển khai có hiệu quả công tác sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, với chức năng, nhiệm vụ được phân công về quản lý công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Sở Tư pháp kính đề nghị lãnh đạo các sở, ban, ngành, Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát PCCC tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa quan tâm chỉ đạo, phối hợp thực hiện một số công việc sau:

1. Các sở, ban, ngành, Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát PCCC tỉnh

a) Tổ chức triển khai, tiến hành sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP tại đơn vị đúng mục đích, yêu cầu và nội dung nêu tại Kế hoạch số 3351/KH-UBND ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh.

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP đảm bảo theo đúng Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 3351/KH-UBND ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh và gửi về Sở Tư pháp trước ngày 30/7/2015 để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

a) Tổ chức triển khai, tiến hành sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP tại địa phương đúng mục đích, yêu cầu và nội dung nêu tại Kế hoạch số 3351/KH-UBND ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh.

b) Hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

c) Báo cáo kết quả tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP trên địa bàn cấp huyện theo đúng Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 3351/KH-UBND ngày

11/5/2015 của UBND tỉnh và gửi về Sở Tư pháp trước ngày 30/7/2015 để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

3. Văn bản chỉ đạo, triển khai sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của các đơn vị, địa phương xin gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi, báo cáo UBND tỉnh quá trình tổ chức thực hiện sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Kế hoạch số 3351/KH-UBND ngày 11/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp theo địa chỉ: <http://www.stp.dongnai.gov.vn/vanbanphapquy>. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương vui lòng liên hệ Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật – Sở Tư pháp qua số điện thoại 0613.843.251.

Rất mong nhận được sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị giúp Sở Tư pháp thực hiện tốt nhiệm vụ. *Th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phòng Tư pháp các huyện, TX. Long Khánh, TP. Biên Hòa;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TDTHPL_(còn, tiếp...).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thiện

KẾ HOẠCH

**Sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012
của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP), Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Thực hiện Quyết định số 722/QĐ-BTP ngày 17/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện tình hình, kết quả triển khai hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật từ khi ban hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

b) Làm rõ các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành và hoàn thiện thể chế về theo dõi thi hành pháp luật.

c) Tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, địa phương trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức và hoạt động theo dõi thi hành pháp luật nhằm đề xuất các giải pháp để hoàn thiện thể chế về theo dõi thi hành pháp luật phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

2. Yêu cầu

a) Hoạt động sơ kết phải được thực hiện toàn diện, đồng bộ trên cơ sở bám sát nội dung, phương thức theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã được quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

b) Phát huy vai trò của Sở Tư pháp, bộ phận pháp chế các sở, ban, ngành, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch trong việc giúp UBND các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Việc tổ chức sơ kết phải đảm bảo thiết thực, tiết kiệm và hiệu quả.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Tình hình tổ chức triển khai Nghị định số 59/2012/NĐ-CP

a) Đánh giá chung: Sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với hoạt động theo dõi thi hành pháp luật (tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP).

b) Kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

2. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập

a) Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong các quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

b) Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

c) Những khó khăn, vướng mắc, bất cập khác.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan.

b) Nguyên nhân chủ quan.

4. Các giải pháp và kiến nghị

a) Công tác tổ chức, triển khai thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; về các điều kiện bảo đảm (tổ chức bộ máy, biên chế, công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,...).

b) Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Thông tư số 14/2014/TT-BTP, các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Các nội dung cần đổi mới, cải tiến trong quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động theo dõi thi hành pháp luật.

d) Biện pháp tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong thời gian tới.

e) Đề xuất định hướng lớn về theo dõi thi hành pháp luật theo quy định của Hiến pháp năm 2013.

III. HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ KINH PHÍ TỔ CHỨC

1. Hình thức và thời gian tổ chức

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tiến hành sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP *trước ngày 20 tháng 7 năm 2015*; gửi Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này) về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) *trước ngày 30 tháng 7 năm 2015*.

Trong phạm vi thẩm quyền của mình, lãnh đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa hướng dẫn việc sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP bằng các hình thức phù hợp với tình hình thực tế ở cơ quan, đơn vị.

2. Kinh phí tổ chức

Kinh phí tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các sở, ban, ngành, địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai Kế hoạch này và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong quá trình sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Tham mưu UBND tỉnh đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng đối với 01 tập thể và 01 cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức triển khai thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP sau khi có văn bản hướng dẫn khen thưởng của Bộ Tư pháp.

c) Tiến hành sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP tại đơn vị đúng mục đích, yêu cầu, nội dung nêu tại Kế hoạch này.

d) Tổng hợp, xây dựng Báo cáo sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh ký ban hành, báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 12/8/2015.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành có trách nhiệm:

a) Triển khai và tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP tại cơ quan mình đúng mục đích, yêu cầu, nội dung nêu tại Kế hoạch này.

b) Xây dựng Báo cáo kết quả tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP theo đúng Phụ lục kèm theo Kế hoạch này và gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) trước ngày 30/7/2015.

Phòng hoặc bộ phận làm công tác pháp chế có trách nhiệm giúp Giám đốc các sở, ban, ngành, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và xây dựng Báo cáo kết quả tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm:

a) Triển khai và tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP trên địa bàn đúng mục đích, yêu cầu, nội dung nêu tại Kế hoạch này.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

c) Xây dựng Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP trên địa bàn cấp huyện theo

đúng Phụ lục kèm theo Kế hoạch này và gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) trước ngày 30/7/2015.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành;
- Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh; Cảnh sát PCCC tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

<Minc.T3>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Nguyễn Thành Trí



PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT 03 NĂM THI HÀNH
NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2012/NĐ-CP

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 3351/KH-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 59/2012/NĐ-CP

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với hoạt động theo dõi thi hành pháp luật (ví dụ: tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP).

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn công tác theo dõi thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Thông tư số 14/2014/TT-BTP tại các sở, ban, ngành, địa phương.

c) Tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó quan tâm đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành Nghị định và các điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (các điều kiện về cơ sở vật chất, biên chế, kinh phí,...)

2. Đánh giá về thực trạng triển khai các quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP

a) Đánh giá chung

- Đánh giá về nhận thức chung của các sở, ban, ngành, địa phương về công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- Đánh giá về đóng góp của hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với việc nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện pháp luật.

b) Công tác quản lý nhà nước về hoạt động theo dõi thi hành pháp luật

- Đánh giá về việc thực hiện nội dung quản lý nhà nước theo quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn; những kết quả đạt được và khó khăn trong công tác quản lý nhà nước tại đơn vị, địa phương.

- Đánh giá về tình hình ban hành văn bản quy định về công tác theo dõi thi hành pháp luật (quy chế theo dõi tình hình thi hành pháp luật) về tình hình thi hành pháp luật.

- Đánh giá việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Đánh giá sự phối kết hợp giữa các đơn vị, địa phương có liên quan trong quản lý nhà nước và triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Đánh giá công tác phối hợp giữa cơ quan hành chính nhà nước với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các tổ chức, cá nhân khác trong việc phối hợp thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật.

c) Thực tiễn triển khai hoạt động theo dõi thi hành pháp luật tại đơn vị, địa phương

- Đánh giá về các nội dung theo dõi thi hành pháp luật.
- Đánh giá hiệu quả của hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, bao gồm: Kiểm tra, điều tra, khảo sát và xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật, xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật; những kết quả đạt được và khó khăn trong quá trình thực hiện (hoạt động nào mang lại hiệu quả cao và có ý nghĩa nâng cao hiệu quả theo dõi thi hành pháp luật, hoạt động nào chưa mang lại hiệu quả, còn lúng túng trong quá trình thực hiện).

- Đánh giá về việc huy động sự tham gia của cá nhân, tổ chức trong theo dõi thi hành pháp luật.

d) Những khó khăn, vướng mắc, bất cập

- Những khó khăn, vướng mắc, bất cập về thể chế: Các quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Thông tư số 14/2014/TT-BTP (cơ chế theo dõi thi hành pháp luật, nội dung và hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, công tác quản lý nhà nước, tiêu chí đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật,...).

- Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện bao gồm: Huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia hoạt động theo dõi thi hành pháp luật; các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi thi hành pháp luật (tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất)...

- Những khó khăn, vướng mắc, bất cập khác có liên quan.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan.

b) Nguyên nhân chủ quan.

4. Giải pháp, kiến nghị

- Về công tác tổ chức, triển khai thi hành Nghị định; về các điều kiện bảo đảm (tổ chức bộ máy, biên chế, công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,...).

- Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Thông tư số 14/2014/TT-BTP, các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Các nội dung cần đổi mới, cải tiến trong quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động theo dõi thi hành pháp luật.

- Biện pháp tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong thời gian tới.

- Đề xuất định hướng lớn về theo dõi thi hành pháp luật theo quy định của Hiến pháp năm 2013:

- + Về phạm vi, trách nhiệm theo dõi;

- + Nội dung và các hình thức theo dõi;

- + Xử lý kết quả theo dõi: Hiệu lực pháp lý của các văn bản xử lý;

- Các kiến nghị, đề xuất khác./.